

Số: 05/CBTT-DS3

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước;

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần DS3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý IV năm 2023 với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần DS3

- Mã chứng khoán: DS3
- Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02033 835 799 Fax: 02033 836 927
- Email: ds3@ds3.vn Website: <https://ds3.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý IV năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/01/2024 tại đường dẫn: <https://ds3.vn/quan-he-co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC tổng hợp quý IV năm 2023;

- Văn bản giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với quý IV năm 2022.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Hoàng Thanh Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4/2023

Quảng Ninh, tháng 1 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.668.178.137	26.710.889.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.274.469.705	1.643.115.341
1. Tiền	111	V.1	6.274.469.705	1.643.115.341
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.921.844.018	17.493.848.164
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	64.688.822.583	38.292.595.125
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	471.801.078	5.476.774.249
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	6.631.932.299	1.201.265.115
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(27.870.711.942)	(27.476.786.325)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	2.789.411.857	7.031.543.417
1. Hàng tồn kho	141		9.227.179.345	7.031.543.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.437.767.488)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.13	1.682.452.557	542.382.834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.627.361.363	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		55.091.194	542.382.834
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		81.968.578.778	78.950.282.083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.4b	55.083.333.322	55.083.333.322
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		55.083.333.322	55.083.333.322
7. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.089.277.559	3.048.954.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.089.277.559	3.048.954.637
- Nguyên giá	222		15.222.691.967	15.222.691.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.133.414.408)	(12.173.737.330)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.070.936.689	9.676.022.609
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	23.070.936.689	9.676.022.609
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	980.000.000	11.008.523.895
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	9.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	2.450.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		980.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.141.476.105)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	745.031.208	133.447.620
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		745.031.208	133.447.620
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.636.756.915	105.661.171.839
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.838.375.472	25.783.700.788
I. Nợ ngắn hạn	310		41.838.375.472	13.979.750.788
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.307.566.160	4.718.904.922
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.772.960.000	4.228.914.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		426.209.152	-
4. Phải trả người lao động	314		1.916.669.436	2.903.588.865
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.170.436.985	20.679.452
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.446.892.578	691.122.388
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	10.470.000.000	1.050.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.17	327.641.161	366.541.161
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.000.000.000	11.803.950.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	11.803.950.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	12.000.000.000	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.798.381.443	79.877.471.051
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	82.798.381.443	79.877.471.051
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn sửa đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.155.617.066	2.155.617.066
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.054.535.623)	(28.975.446.015)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.975.446.015)	7.359.589.690
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.920.910.392	(36.335.035.705)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136.636.756.915	105.661.171.839

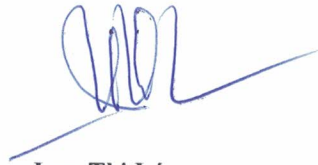
Lập ngày 27 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Lê Việt Dũng

Kế toán trưởng



Lưu Thị Lý



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, phường Hồng Hà, TP Hà Long, tỉnh Qu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý 4/2023

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.475.969.684	32.049.108.203	724.745.455	3.726.740.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			(2.313.166.364)		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		30.475.969.684	29.735.941.839	724.745.455	3.726.740.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.207.210.818	29.708.498.341	3.091.286.330	4.925.288.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		8.268.758.866	27.443.498	(2.366.540.875)	(1.198.547.541)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.180.222.519	6.180.935.508	160.916	2.379.472
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.468.196.427)	8.281.428	20.679.452	1.350.453.458
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				20.679.452	208.977.353
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.476.028.510	4.430.733.742	922.604.887	32.823.824.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (25+26)}	30		14.441.149.302	1.769.363.836	(3.309.664.298)	(35.370.446.416)
11. Thu nhập khác	31	VI.6		1.567.020.000		
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.250.688	415.473.444	1.157.005.591	964.589.289
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(7.250.688)	1.151.546.556	(1.157.005.591)	(964.589.289)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		14.433.898.614	2.920.910.392	(4.466.669.889)	(36.335.035.705)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		14.433.898.614	2.920.910.392	(4.466.669.889)	(36.335.035.705)

Người lập biểu

Lê Việt Dũng

Kế toán trưởng

Lưu Thị Lý



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, phường Hồng Hà, TP Hạ Long,
tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.268.107.508	16.891.031.318
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(22.637.162.310)	(7.601.288.930)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.170.587.604)	(8.030.082.770)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(200.342.588)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(1.474.999.386)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.117.252.383	1.402.857.596
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.583.752.547)	(6.572.243.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.006.142.570)	(5.585.068.103)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(132.503.066)	(169.496.732)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.240.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.350.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.700.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	2.379.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.217.496.934	4.072.882.740
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		28.310.000.000	2.350.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.890.000.000)	(4.072.940.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-

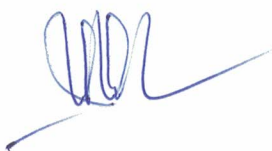
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.420.000.000	(1.722.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.631.354.364	(3.235.125.363)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.643.115.341	4.875.240.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6.274.469.705	1.640.115.341

Người lập biểu



Lê Việt Dũng

Kế toán trưởng



Lưu Thị Lý

Lập ngày 27 tháng 01 năm 2024

Tổng giám đốc



Đào Văn Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Quản lý, bảo dưỡng đường thủy nội địa; tư vấn lập phương án và tổ chức, điều tiết, khống chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Chi tiết: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Tư vấn, lập phương án và tổ chức; Điều tiết, khống chế bảo đảm giao thông đường thủy nội địa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoa tiêu đường thủy nội địa; Nạo vét, trục vớt, thanh thải chướng ngại vật đường thủy nội địa;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Massage;
 - Đóng tàu và cầu kiện nổi;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển;
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, duy tu kè, cột thủy trí, chính trị sông...; Sản xuất và sửa chữa lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)/.
- Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 35 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 38 nhân viên)
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp cơ khí – Công trình	Tổ 1, Khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 3 tại Hà Nội	Số 6, phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu

007
IG T
PH
DS
G

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Số năm

05 - 25

03 - 07

03 - 11

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều năm kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các năm kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Công ty phải theo dõi chi tiết năm hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

12. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt	1.767.079.690	1.317.153.917
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.507.390.015	325.961.424
Cộng	<u>6.274.469.705</u>	<u>1.643.115.341</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>53.784.035.596</i>	<i>(25.413.305.138)</i>	<i>25.413.305.138</i>	<i>(24.957.528.922)</i>
Công ty Cổ phần du lịch AST	25.413.305.138	(25.413.305.138)	25.413.305.138	(24.957.528.922)
Công ty CP ĐTXD Nalico	28.370.730.458		-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>10.269.532.987</i>		<i>12.879.289.987</i>	<i>(2.169.257.403)</i>
Ban quản lý Vịnh Hạ Long	3.790.469.274		3.790.469.274	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Hạ tầng Vân Đồn	1.489.970.000		4.034.453.000	-
Cục đường thủy nội địa Việt Nam			-	-
CÔNG TY CP XÂY DỰNG CẦU 75	1.440.747.000	(1.008.522.900)	1.440.747.000	(720.373.500)
CÔNG TY TNHH QUAN MINH	1.448.883.903	(1.448.883.903)	1.448.883.903	(1.448.883.903)
Các khách hàng khác	2.734.716.810	-	2.164.736.810	-
Cộng	<u>64.688.822.583</u>	<u>(27.870.711.941)</u>	<u>38.292.595.125</u>	<u>(27.126.786.325)</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>			<i>4.500.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Một Thành viên Đường An Phú	-		4.500.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>471.801.087</i>		<i>976.774.249</i>	<i>(350.000.000)</i>
Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc đô thị Hà Nội - UAC			700.000.000	(350.000.000)
Các khách hàng khác	471.801.087		276.774.249	-
Cộng	<u>471.801.087</u>		<u>5.476.774.249</u>	<u>(350.000.000)</u>

4. Phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>518.350.028</i>		<i>1.201.265.115</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	(210.273.360)		77.768.000	-
Ký cược, ký quỹ	517.300.000		1.009.783.750	-
Ông Đỗ Quang Khuê	6.180.000.000		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	144.905.659		113.713.365	-
Cộng	<u>6.631.932.299</u>		<u>1.201.265.115</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	34.083.333.322		34.083.333.322	-
Bà Nguyễn Thị Việt Loan – thanh lý HĐ thuê KS (*)	34.083.333.322		34.083.333.322	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	21.000.000.000		21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng (**)	21.000.000.000		21.000.000.000	-
Cộng	55.083.333.322		55.083.333.322	-

(*) Theo Hợp đồng đặt cọc số 19A/2017/HĐĐC-ĐS3 ký ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại Số 06 Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng trong thời gian 20 năm, để đảm bảo thực hiện Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại số 06 Lương Ngọc Quyến, Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19/2016/HĐTKS-ĐS3 ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3). Số tiền đặt cọc được giải tỏa dần hàng tháng và được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê địa điểm kinh doanh kể từ tháng 6 năm 2017. Nếu trong thời gian của hợp đồng, DS3 từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì sẽ bị mất toàn bộ tiền đặt cọc; nếu Bà Nguyễn Thị Việt Loan từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì ngoài việc hoàn trả số tiền đặt cọc còn phải nộp phạt số tiền bằng số tiền đặt cọc.

Theo Biên bản 02/2020/HĐTKD.DS3 ngày 01/7/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 và Bà Nguyễn Thị Việt Loan. Hai Bên thống nhất tạm ngừng Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi đi đến quyết định tiếp tục Hợp đồng hoặc thanh lý Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh số 19/2016/HĐTKS.DS3 ngày 22/10/2016 tại địa chỉ số 06 Phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Theo Nghị quyết số 167/NQ-HĐQT ngày 28/12/2023 về việc thanh lý Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại số 06 Lương Ngọc Quyến, Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19/2016/HĐTKS-ĐS3 ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3) và thanh lý Hợp đồng đặt cọc số 19A/2017/HĐĐC-ĐS3 ký ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại Số 06 Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3).

Theo Biên bản thanh lý ngày 28/12/2023 về việc Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh số 19/2016/HĐTKS-ĐS3 và Hợp đồng đặt cọc số 19A/2017/HĐĐC-ĐS3 giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần DS3

(**) Theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 12/2021/HĐHTĐT ký ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng. Theo đó, DS3 đồng ý dùng tư cách pháp nhân của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng ký hợp đồng và làm việc với các bên liên quan khác để thực hiện Dự án Xây dựng lại Chung cư cũ D3-D4 Giảng Võ thành tổ hợp các công trình cao tầng có công năng sử dụng làm văn phòng, nhà ở, nhà tái định cư và trung tâm thương mại (để bán và cho thuê) theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên khu đất có diện tích 7.133m³ tại Khu tập thể D3-D4 phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. DS3 góp vốn bằng 1,5% tổng vốn đầu tư dự án là 2.000.000.000.000 x 1,5% tương đương 30.000.000.000 đồng chia làm 2 lần góp: Lần 1 góp 21.000.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng, lần 2 là 9.000.000.000 đồng còn lại sau khi công trình thi công được 90% khối lượng.

5. Dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết xem tại phụ lục 01 (trang 29)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

a, Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Số đầu năm		-
Trích lập dự phòng trong năm	(27.870.711.942)	(27.476.786.325)
Số cuối năm	(27.870.711.942)	(27.476.786.325)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	77.872.146		77.872.146	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.149.307.199	(6.437.767.488)	6.953.671.271	-
Cộng	9.227.179.345	(6.437.767.484)	7.031.543.417	-

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	31/12/2023		01/01/2023	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.891.732.521	787.083.065	10.543.876.381	15.222.691.967
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	3.891.732.521	787.083.065	10.543.876.381	15.222.691.967
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.607.085.980	787.083.065	2.867.080.800	5.261.249.845
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.421.640.474	787.083.065	7.965.013.791	12.173.737.330
Khấu hao trong năm	152.309.769	-	807.367.309	959.677.079
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	3.573.950.243	787.083.065	8.772.381.100	13.133.414.409
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	470.092.047	-	2.578.862.590	3.048.954.637
Số cuối năm	317.782.278	-	1.771.495.281	2.089.277.559

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí	31/12/2023
	Công trình Nhà Thương mại và Khách sạn Phường Hồng Hà	9.676.022.609	13.394.914.080	-	-
Cộng	9.676.022.609	13.394.914.080	-	-	23.070.936.689

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	9.700.000.000	(1.083.561.287)
Công ty Cổ phần Hạ Long Riverway (1)	-	-	9.700.000.000	(1.083.561.287)
Công ty TNHH MTV Đường An Phú (2)	-	-		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			2.450.000.000	(57.914.818)
Công ty TNHH MTV Đường An Phú (3)	-	-	2.450.000.000	(57.914.818)
Đầu tư dài hạn khác	980.000.000		-	-
Công ty TNHH Hai TV Đường An Phú (4)	980.000.000		-	-
Cộng	980.000.000	-	12.150.000.000	(1.141.476.105)

(1) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Hạ Long Riverway theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701994133 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Theo Hợp đồng góp vốn số 025/HĐGV-DDS3-SH ngày 02 tháng 5 năm 2019, Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3 góp số tiền 17.850.000.000 VND tương ứng 51% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng góp số tiền 15.400.000.000 VND tương ứng 44% vốn điều lệ.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3 đã góp số tiền 9.700.000.000 VND tương ứng 61,63% vốn thực góp, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng đã góp số tiền 6.038.000.000 VND tương ứng 38,37% vốn thực góp.

(2) (3) Nghị quyết hội đồng quản trị số 83/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2023 thông qua việc chấp thuận chủ trương thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh số 18.1/2018/HĐHTKD-DS3-AP ngày 24/08/2018 giữa Công ty cổ phần DS3 và Công ty TNHH Hai thành viên An Phú; đồng thời nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú của Công ty TNHH Hai thành viên An Phú.

(4) Nghị quyết hội đồng quản trị số 165/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2023 thông qua việc chuyển nhượng 90% cổ phần tại Công ty TNHH MTV Đường An Phú.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công cụ dụng cụ		
Chi phí sửa chữa		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	745.031.208	133.447.620
Cộng	745.031.208	133.447.620

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 7	1.282.394.613	1.282.394.613
Công ty Cổ phần Đảm bảo An toàn Đường thủy Mạnh Hưng	2.527.032.727	2.527.032.727
Công ty CP xây dựng Five – Star Việt Nam	3.783.370.487	-
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ Minh Kỳ	3.081.267.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Liêm	2.153.263.408	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Đường thủy Quảng Ninh	527.585.000	527.585.000
Các nhà cung cấp khác	442.816.982	381.892.582
Cộng	<u>17.307.566.160</u>	<u>4.718.904.922</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Trả trước của các khách hàng khác	4.772.960.000	4.772.960.000	4.228.914.000	4.228.914.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Yên	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	1.928.914.000	1.928.914.000	1.928.914.000	1.928.914.000
Công ty CP Cầu 3 Thăng Long	388.465.000	388.465.000		
Công ty CP Tập đoàn ĐTXD HJC	155.581.000	155.581.000		
Cộng	<u>4.772.960.000</u>	<u>4.772.960.000</u>	<u>4.228.914.000</u>	<u>4.228.914.000</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2023</u>	<u>31/12/2023</u>
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.627.361.363	487.291.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp		14.783.707
Thuế thu nhập cá nhân		40.307.487
Thuế khác	55.091.194	
Cộng	<u>1.682.452.557</u>	<u>542.382.834</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Phải trả các bên liên quan	1.170.436.985	20.679.452
Ông Nguyễn Quang Hải - Chi phí lãi vay phải trả	92.531.506	20.679.452
Ông Hoàng Hà Phương - Chi phí lãi vay phải trả	125.415.069	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico - Chi phí lãi vay phải trả	952.490.410	

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả khác**a) Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	5.446.892.578	691.122.388
Công ty TNHH Hai thành viên An Phú (*)	5.000.000.000	0
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng	215.000.000	215.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	231.892.578	476.122.388
Cộng	5.446.892.578	691.122.388

b) Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	0	11.803.950.000
Ông Như Ánh Dương - phải trả chi phí hợp tác kinh doanh khu dịch vụ (**)	0	517.000.000
Công ty TNHH Hai thành viên An Phú (***)	0	11.286.950.000
Cộng	0	11.803.950.000

(*) (***) và (***) Khoản phải trả khác theo Biên bản thỏa thuận chấm dứt ngày 25/05/2023 của hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh số 18.1/2018/HĐHTKD-DDS3-AP ngày 24/08/2018 giữa Công ty cổ phần DS3 và Công ty TNHH Hai thành viên An Phú.

16. Các khoản vay**a) Vay ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	2.420.000.000	2.420.000.000	750.000.000	750.000.000
Ông Nguyễn Quang Hải (1)	450.000.000	450.000.000	750.000.000	750.000.000
Ông Hoàng Hà Phương (2)	1.970.000.000	1.970.000.000		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.050.000.000	8.050.000.000	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico (3)	8.050.000.000	8.050.000.000	300.000.000	300.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	-	-		
Cộng	10.470.000.000	10.470.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000

(1) Là khoản vay ông Nguyễn Quang Hải, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 12%/năm.

(2) Là khoản vay ông Hoàng Hà Phương, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 11%/năm.

(3) Là khoản vay Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Nalico gồm 1.650.000.000 VNĐ lãi suất 11%, kỳ hạn 06 tháng theo hợp đồng vay số 01/HDVV/NLC-DS3 ngày 28/12/2022 và hợp đồng vay số 02/HDVV/NLC-DS3 ngày 14/02/2023, phụ lục số 01/PLHDVV/NLC-DS3 ngày 06/04/2023 và hợp đồng vay số 04/HDVV/NLC-DS3 ngày 31/10/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	01/01/2023	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2023
Vay ngắn hạn cá nhân bên liên quan	750.000.000	1.970.000.000	-	300.000.000	2.420.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng					-
Vay ngắn hạn tổ chức khác	300.000.000	14.250.000.000	-	6.500.000.000	8.050.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả					
Cộng	1.050.000.000	16.220.000.000		6.800.000.000	10.470.000.000

b) Vay dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay dài hạn tổ chức khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico (4)	12.000.000.000	12.000.000.000		
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000		

(4) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico theo Hợp đồng vay số 03/HDVV/NLC-DS3. Giá trị hợp đồng là 19.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay tối đa là 36 tháng, lãi suất 12%/năm. Mục đích để trả lại phần vốn góp của công ty TNHH Hai thành viên An Phú góp vào công ty Cổ phần DS3 theo Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh số 18.1/2018/HĐHTKD-DDS3-AP ngày 24/08/2018 giữa Công ty cổ phần DS3 và Công ty TNHH Hai thành viên An Phú với giá trị là 11.289.950.000 VNĐ; thanh toán tiền nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú của Công ty TNHH Hai thành viên An Phú với giá trị phần vốn góp 7.350.000.000 VNĐ và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	01/01/2023	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31/12/2023
Vay dài hạn Công ty CP ĐTXD Nalico	0	12.000.000.000	0	0	12.000.000.000
Cộng	0	12.000.000.000	0	0	12.000.000.000

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2023	01/01/2023
Số đầu năm	366.541.161	65.021.161
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		350.000.000
Chi quỹ	(38.900.000)	(48.480.000)
Số cuối kỳ	327.641.161	366.541.161

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	106.697.300.000	2.155.617.066	7.709.589.690	116.562.506.756
Lợi nhuận văn phòng trong năm trước		-	(36.266.107.077)	(36.266.107.077)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				
Lợi nhuận chi nhánh, công ty con chuyển về năm trước	-	-	(68.928.628)	(68.928.628)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>106.697.300.000</u>	<u>2.155.617.066</u>	<u>(28.975.446.015)</u>	<u>79.877.471.051</u>
Số dư đầu năm nay	106.697.300.000	2.155.617.066	(28.975.446.015)	79.877.471.051
Lợi nhuận văn phòng trong năm nay		-	2.920.910.392	2.920.910.392
Số dư cuối năm nay	<u>106.697.300.000</u>	<u>2.155.617.066</u>	<u>(26.054.535.623)</u>	<u>82.798.381.443</u>

b) Cổ phiếu

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.669.730	10.669.730
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu phổ thông	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu phổ thông	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

c) Chi tiết vốn góp chủ sở hữu đến ngày 31/12/2023:

<u>Cổ đông</u>	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Ông Phạm Văn Phả	15.000.000.000	14,06%	15.000.000.000	14,06%
Ông Nguyễn Quang Hải	5.500.000.000	5,15%	5.500.000.000	5,15%
Bà Nguyễn Thị Việt Loan			1.298.000.000	1,22%
Bà Phạm Thị Ngọc Lan				
Ông Hoàng Hà Phương	24.407.000.000	22,87%	4.000.000.000	3,75%
Ông Nguyễn Văn Dũng	600.000.000	0,56%		
Bà Nguyễn T Minh Ngọc	2.501.000.000	2,34%		
Bà Hoàng Thị Thu Hào	2.780.000.000	2,61%		
Bà Lưu Thị Lý	1.500.000.000	1,41%		
Các cổ đông khác	54.409.300.000	50,99%	80.899.300.000	75,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP CÔNG TY**1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.049.108.203	3.726.740.909
Điều chỉnh giảm doanh thu	(2.313.166.364)	-
Cộng	29.735.941.839	3.726.740.909

2. Giá vốn hàng bán

	31/12/2023	31/12/2022
	Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.708.498.341
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Cộng	27.708.498.341	4.925.288.450

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2023	31/12/2022
	Lãi tiền gửi	935.508
Lãi đầu tư tài chính	6.180.000.000	-
Cộng	6.180.935.580	2.379.472

4. Chi phí tài chính

	31/12/2023	31/12/2022
	Chi phí lãi vay	1.149.757.533
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.141.476.105)	-
Cộng	8.281.428	208.977.353

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/12/2023	31/12/2022
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.430.733.742
Cộng	4.430.733.742	32.823.824.889

6. Thu nhập khác

	31/12/2023	31/12/2022
	Nhận tiền tài trợ sửa văn phòng	1.050.000.000
Điều chỉnh giảm khoản phải trả dài hạn khác – Ông Như Ánh Dương	517.000.000	-
Thu nhập khác	20.000	-
Cộng	1.567.020.000	-

N: 5
ÔN
CỔ I
D
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Chi phí khác	415.473.444	964.589.289
Cộng	<u>415.473.444</u>	<u>964.589.289</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.920.910.392	(36.335.035.705)
Chuyển lỗ lũy kế của năm trước	(2.920.910.392)	
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế phổ thông</i>	-	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</i>	-	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.054.535.623)	(36.335.035.705)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.669.730	10.669.730
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(2.442)</u>	<u>(3.405)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.669.730	10.669.730
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>10.669.730</u>	<u>10.669.730</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Ông Nguyễn Quang Hải- Chủ tịch HĐQT – Miễn nhiệm ngày 18/04/2023		
Phải trả tiền vay	450.000.000	
Trả tiền vay		
Phải trả tiền lãi vay	92.531.506	
Ông Hoàng Hà Phương - Chủ tịch HĐQT - Bỏ		

3010
 G TY
 H AN
 S3
 T. QU

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>nhiệm ngày 18/04/2023</i>		
<i>Phải trả tiền vay</i>	1.970.000.000	
<i>Trả tiền vay</i>	-	
<i>Phải trả tiền lãi vay</i>	125.415.069	

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4b; V.15b; V.16a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	<u>31/12/2023</u>
Ông Nguyễn Quang Hải - Chủ tịch HĐQT – Miễn nhiệm ngày 18/04/2023	
- Thu nhập từ tiền lương, thưởng	67.818.589
- Thù lao	
- Thu nhập từ nhận cổ tức	-
Ông Nguyễn Danh Trung - Ủy viên HĐQT – Miễn nhiệm ngày 11/04/2023	
- Thu nhập từ tiền lương, thưởng	47.183.589
- Thù lao	
- Thu nhập từ nhận cổ tức	-
Bà Lê Thị Minh Thu - Ủy viên HĐQT - Bổ nhiệm ngày 28/6/2022	
- Thu nhập từ tiền lương, thưởng	68.076.214
- Thù lao	
- Thu nhập từ nhận cổ tức	-
Bà Bùi Nhật Lệ - Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 24/04/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	54.660.296
-Thù lao	
-Thu nhập từ nhận cổ tức	-
Ông Phạm Văn Tiến - Phó Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 18/04/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	44.938.077
Ông Hoàng Hà Phương – Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày 18/04/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	
Ông Đào Vũ Chinh – Phó Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 15/02/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	30.492.139
Ông Đào Vũ Chinh – Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 18/04/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	187.983.154
Ông Hoàng Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 18/04/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	188.147.063
Bà Lưu Thị Lý - Kế toán trưởng - Bổ nhiệm ngày 17/05/2023	
-Thu nhập từ tiền lương, thưởng	70.166.026



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Họ và tên

31/12/2023

Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc – Thành viên BKS - Bổ nhiệm ngày 18/04/2023

-Thu nhập từ tiền lương, thưởng

Bà Hoàng Thị Thu Hảo – Thành viên BKS - Bổ nhiệm ngày 18/04/2023

-Thu nhập từ tiền lương, thưởng

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico	Ông Hoàng Hà Phương – Chủ tịch HĐQT của DS3, đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Nalico
Công ty Cổ phần Hạ Long Riverway	Công ty Con
Công ty TNHH Một thành viên Đường An Phú	Công ty Con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/09/2022</u>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nalico		
<i>Tiền thu từ cho vay</i>	20.050.000.000	0

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2; V.3; V.14b./.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy
- + Lĩnh vực vận chuyển hành khách trên tàu
- + Lĩnh vực kinh doanh khách sạn
- + Lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản
- + Lĩnh vực khác

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban lãnh đạo đã ban hành quy chế bán hàng, cung cấp dịch vụ với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban lãnh đạo thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nhà nước và đơn vị là bên liên quan nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có năm hạn và không có năm hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	10.470.000.000	12.000.000.000	-	24.470.000.000
Phải trả người bán	17.307.266.160	-	-	17.307.266.160
Các khoản phải trả khác	8.533.998.999	-	-	8.533.998.999
Cộng	48.311.565.159	12.000.000.000-	-	60.311.565.159
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Phải trả người bán	4.718.904.922	-	-	4.718.904.922
Các khoản phải trả khác	3.615.390.705	11.803.950.000	-	15.419.340.705
Cộng	9.384.295.627	11.803.950.000	-	21.188.245.627

Ban lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có năm hạn.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.274.469.705	1.643.115.341	6.274.469.705	1.643.115.341
Phải thu khách hàng	36.181.110.641	11.165.808.800	36.181.110.641	11.165.808.800
Các khoản phải thu khác	61.715.265.621	56.284.598.437	61.715.265.621	56.284.598.437
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	980.000.000	11.008.523.895	980.000.000	11.008.523.895
Cộng	105.787.845.967	80.102.046.473	105.787.845.967	80.102.046.473
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	24.470.000.000	1.050.000.000	24.470.000.000	1.050.000.000
Phải trả người bán	17.307.266.160	4.718.904.922	17.307.266.160	4.718.904.922
Các khoản phải trả khác	8.533.998.999	15.419.340.705	8.533.998.999	15.419.340.705
Cộng	60.311.565.159	21.188.245.627	60.311.565.159	21.188.245.627

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/năm kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh trong năm

6. Những thông tin khác

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 27 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lê Việt Dũng

Lru Thị Lý

Đào Vũ Chinh

0102
TY
ÂN
3
QUA

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm	
		Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		28.302.936.041	(27.870.711.941.)
Công ty Cổ phần Du lịch AST	Công nợ quá hạn trên 3 năm	25.413.305.138	(25.413.305.138)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75	Công nợ quá hạn từ 2-3 năm	1.440.747.000	(1.008.522.900)
Công ty TNHH Quang Minh	Công nợ trên 3 năm	1.448.883.903	(1.448.883.903)

